

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 34

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quyền, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

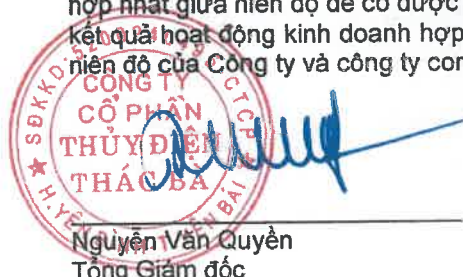
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có một công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 13 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.


Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

ĐBT
CỔ
T
NST
VIỆ
CHI
HÀ
KIẾ

Số tham chiếu: 12828659/22963793/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		312.582.590.952	200.886.332.101
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	72.936.263.312	74.789.259.982
111	1. Tiền		9.416.263.312	6.947.259.982
112	2. Các khoản tương đương tiền		63.520.000.000	67.842.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.1	132.628.692.877	66.422.413.699
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		132.628.692.877	66.422.413.699
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		102.395.311.847	55.426.371.103
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	79.221.953.927	35.408.799.218
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		486.668.095	190.417.532
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	22.412.500.000	22.412.500.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.870.787.523	781.052.051
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(2.596.597.698)	(3.366.397.698)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.422.934.843	4.208.928.762
141	1. Hàng tồn kho		4.422.934.843	4.208.928.762
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		199.388.073	39.358.555
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	199.388.073	39.358.555



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

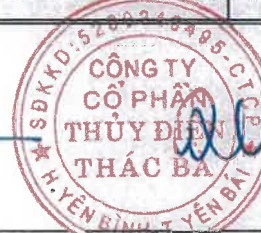
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		147.004.535.072	89.376.876.406
310	I. Nợ ngắn hạn		147.004.535.072	89.376.876.406
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		9.286.326	1.322.327.800
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.564.329.071	854.726.999
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	39.565.612.231	10.921.520.824
314	4. Phải trả người lao động		3.886.624.528	8.862.554.653
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		150.000.000	196.500.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	99.336.749.867	66.023.594.753
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	2.491.933.049	1.195.651.377
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		944.541.064.773	921.858.664.381
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	944.541.064.773	921.858.664.381
411	1. Vốn cổ phần		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		309.541.064.773	286.858.664.381
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		187.108.664.381	207.645.024.387
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		122.432.400.392	79.213.639.994
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.091.545.599.845	1.011.235.540.787



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

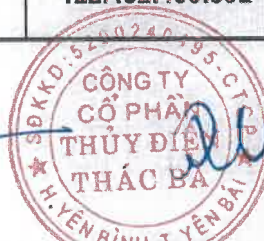
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	19.1	217.057.041.859	193.468.217.617
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán điện và cung cấp dịch vụ	19.1	217.057.041.859	193.468.217.617
11	4. Giá vốn về bán điện và dịch vụ cung cấp	20	(59.672.660.883)	(62.554.910.025)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán điện và cung cấp dịch vụ		157.384.380.976	130.913.307.592
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	7.722.772.649	15.787.553.050
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(12.176.442.020)	(12.274.597.012)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		152.930.711.605	134.426.263.630
31	9. Thu nhập khác		563.138.260	636.679.200
32	10. Chi phí khác		(407.360.625)	(55.882.409)
40	11. Lợi nhuận khác		155.777.635	580.796.791
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		153.086.489.240	135.007.060.421
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(30.654.088.848)	(25.734.003.084)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.432.400.392	109.273.057.337



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		153.086.489.240	135.007.060.421
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		19.630.358.152	19.757.489.407
03	Các khoản dự phòng	6	(769.800.000)	484.310.861
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	19.2	(7.722.772.649)	(15.787.553.050)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		164.224.274.743	139.461.307.639
09	Tăng các khoản phải thu		(44.711.571.945)	(5.314.588.087)
10	Tăng hàng tồn kho		(214.006.081)	(905.446.519)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		2.518.688.146	(3.196.140.963)
12	Giảm chi phí trả trước		535.603.313	312.722.839
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.600.000.000)	(1.793.123.525)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(3.189.730.000)	(3.181.050.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		110.563.258.176	125.383.681.384
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(13.895.000.829)
23	Tiền chi cho vay, mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		(106.640.000.000)	(130.789.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		51.639.970.822	21.206.250.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(12.250.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.075.174.332	12.400.256.303
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(48.924.854.846)	(123.327.494.526)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

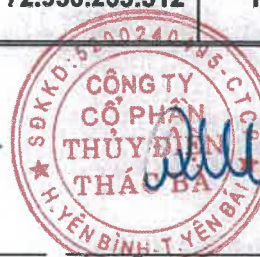
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	17.3	(63.491.400.000)	(63.489.900.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(63.491.400.000)	(63.489.900.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.852.996.670)	(61.433.713.142)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		74.789.259.982	78.364.751.250
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	72.936.263.312	16.931.038.108



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 3 năm 2006. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo các thiết bị của nhà máy thủy điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty (bao gồm Văn phòng Công ty và chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật) có trụ sở tại Tổ dân phố 1, thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là: 122 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 124).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật. Công ty cũng có một công ty con và một công ty liên kết với thông tin chi tiết như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh điện năng.
<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49,00%	49,00%	Tổ dân phố số 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	Đầu tư và triển khai dự án Nhà máy Thủy điện Thác Bà 2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 vào ngày 13 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập (“Chi nhánh”) như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh được lập cùng kỳ và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và Chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, thu hộ, chi hộ giữa chi nhánh và Văn phòng Công ty được cân trừ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.6 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn bán điện và cung cấp dịch vụ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	9 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất cho công nhân viên, các tập thể trong và ngoài Công ty có thành tích đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và mang về các giá trị lợi ích kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội cho Công ty, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Quỹ phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được xác định căn cứ theo hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện và đã được xác nhận bởi khách hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong kỳ chiếm 97% tổng doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	41.131.040	60.474.438
Tiền gửi ngân hàng	9.375.132.272	6.886.785.544
Các khoản tương đương tiền (*)	63.520.000.000	67.842.000.000
TỔNG CỘNG	<u>72.936.263.312</u>	<u>74.789.259.982</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là các khoản tiền gửi bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng lãi suất là 4,0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021 từ 3,1%/năm đến 4,0%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	132.628.692.877	132.628.692.877	66.422.413.699	66.422.413.699
TỔNG CỘNG	<u>132.628.692.877</u>	<u>132.628.692.877</u>	<u>66.422.413.699</u>	<u>66.422.413.699</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ trên 3 đến 9 tháng và hưởng lãi suất từ 4,0%/năm đến 6,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,4%/năm đến 5,9%/năm).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con		337.624.176.764	-		337.624.176.764	-	
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (i)	50,94%	337.624.176.764	-	(i)	50,94%	337.624.176.764	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết		35.770.000.000	-		35.770.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (ii)	49,00%	35.770.000.000	-	(ii)	49,00%	35.770.000.000	(ii)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	-		81.169.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (iii)	0,60%	32.619.000.000	-		0,60%	32.619.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An (iv)	5,00%	48.550.000.000	-	(iv)	5,00%	48.550.000.000	(iv)
TỔNG CỘNG		454.563.176.764	-		454.563.176.764	-	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 50,94% quyền biểu quyết tương ứng 25.889.270 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết tương ứng 8.465.289 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 0,6% quyền biểu quyết tương ứng 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng. Cổ phiếu của công ty này được giao dịch trên thị trường UPCOM với mức giá giao dịch bình quân vào ngày cuối cùng có giao dịch trong tháng 6 năm 2022 là 16.000 VND/cổ phiếu (tháng 12 năm 2021: 18.800 VND/cổ phiếu).

(iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty nắm giữ 5% quyền biểu quyết tương ứng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Thái An. Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu của khách hàng	5.079.211.955	4.428.697.781
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	2.840.965.910	3.340.965.910
- Công ty Cổ phần Thủy điện Leader Nam Tiến	181.820.819	85.452.851
- Phải thu các khách hàng khác	2.056.425.226	1.002.279.020
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	74.142.741.972	30.980.101.437
TỔNG CỘNG	<u>79.221.953.927</u>	<u>35.408.799.218</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.596.597.698)	(3.366.397.698)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu khó đòi:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	3.366.397.698	2.763.793.778
Cộng: Trích lập dự phòng trong kỳ	-	484.310.861
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(769.800.000)	-
Số cuối kỳ	<u>2.596.597.698</u>	<u>3.248.104.639</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngắn hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu (*)	<u>22.412.500.000</u>	<u>22.412.500.000</u>
Dài hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn (*)	<u>95.253.125.000</u>	<u>106.459.375.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>117.665.625.000</u>	<u>128.871.875.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(*) Chi tiết khoản phải thu về cho vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

Bên nhận vay	Số tiền (VND)	Kỳ hạn nhận gốc và lãi	Lãi suất trong năm (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum – công ty con	117.665.625.000	Gốc và lãi vay được trả hàng quý; với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 9 năm 2027	8,10%	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
Cho vay dài hạn đến hạn thu	22.412.500.000			
Cho vay dài hạn	95.253.125.000			

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	1.928.085.156	280.486.839
Ký quỹ mở thư tín dụng	71.500.000	71.500.000
Phải thu khác	871.202.367	429.065.212
TỔNG CỘNG	2.870.787.523	781.052.051
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	52.224.344	29.811.845
Phải thu ngắn hạn với bên khác	2.818.563.179	751.240.206

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	3.751.275.885	-	3.824.679.686	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	444.477.880	-	309.562.669	-
Công cụ, dụng cụ	227.181.078	-	74.686.407	-
TỔNG CỘNG	4.422.934.843	-	4.208.928.762	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	651.554.157.472	805.862.293.078	19.735.566.706	5.218.734.494	117.454.545	1.482.488.206.295
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	651.554.157.472	805.862.293.078	19.735.566.706	5.218.734.494	117.454.545	1.482.488.206.295
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	14.703.497.562	506.293.558.323	11.337.900.642	3.461.594.224	52.272.727	535.848.823.478
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	536.316.551.080	700.625.730.737	15.191.697.177	4.390.832.196	96.214.225	1.256.621.025.415
- Khấu hao trong kỳ	10.202.794.366	8.454.907.620	419.883.300	168.692.154	3.259.092	19.249.536.532
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	546.519.345.446	709.080.638.357	15.611.580.477	4.559.524.350	99.473.317	1.275.870.561.947
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	115.237.606.392	105.236.562.341	4.543.869.529	827.902.298	21.240.320	225.867.180.880
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	105.034.812.026	96.781.654.721	4.123.986.229	659.210.144	17.981.228	206.617.644.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	20.558.322.400	1.618.000.000	22.176.322.400
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	20.558.322.400	1.618.000.000	22.176.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.749.494.542	178.090.467	4.927.585.009
- Hao mòn trong kỳ	205.576.608	189.233.340	394.809.948
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	4.955.071.150	367.323.807	5.322.394.957
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	15.808.827.858	1.439.909.533	17.248.737.391
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	15.603.251.250	1.250.676.193	16.853.927.443

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án nâng cấp thiết bị tổ máy nhà máy Thủy điện Thác Bà	3.298.419.989	3.298.419.989
TỔNG CỘNG	3.298.419.989	3.298.419.989

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa lớn	1.307.338.432	1.779.924.453
Công cụ dụng cụ	284.750.000	511.500.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	784.626.917	620.894.209
TỔNG CỘNG	2.376.715.349	2.912.318.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải thu trong kỳ</i>	<i>Số đã thu trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thuế phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	199.388.073	-	199.388.073
Thuế khác	39.358.555	-	(39.358.555)	-
TỔNG CỘNG	39.358.555	199.388.073	(39.358.555)	199.388.073

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thuế phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.1)	8.013.717.498	30.654.088.848	(8.600.000.000)	30.067.806.346
Thuế tài nguyên	1.487.877.326	18.524.368.098	(16.055.806.656)	3.956.438.768
Thuế giá trị gia tăng	1.312.407.623	17.773.478.312	(13.544.518.818)	5.541.367.117
Thuế thu nhập cá nhân	107.518.377	1.400.527.043	(1.508.045.420)	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	2.431.420.000	(2.431.420.000)	-
Thuế khác	-	61.959.701	(61.959.701)	-
TỔNG CỘNG	10.921.520.824	70.845.842.002	(42.201.750.595)	39.565.612.231

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Cổ tức phải trả	95.422.491.749	63.663.891.749
Phí bảo vệ môi trường rừng	3.311.579.664	1.878.516.504
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại các đơn vị đầu tư	90.000.000	90.000.000
Phải trả khác	512.678.454	391.186.500
TỔNG CỘNG	99.336.749.867	66.023.594.753
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn với bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>86.122.752.000</i>	<i>57.415.168.000</i>
<i>Phải thu ngắn hạn với bên khác</i>	<i>13.213.997.867</i>	<i>8.608.426.753</i>

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	1.195.651.377	1.573.846.488
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh số 17.1)	4.000.000.000	4.000.000.000
Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 17.1)	500.000.000	500.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.203.718.328)	(2.954.046.783)
Số cuối kỳ	2.491.933.049	3.119.799.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	635.000.000.000	370.895.024.387	1.005.895.024.387
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	109.273.057.337	109.273.057.337
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Cổ tức công bố	-	(158.750.000.000)	(158.750.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>635.000.000.000</u>	<u>316.918.081.724</u>	<u>951.918.081.724</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	635.000.000.000	286.858.664.381	921.858.664.381
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	122.432.400.392	122.432.400.392
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 16) (*)	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty (Thuyết minh số 16) (*)	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Cổ tức công bố năm 2021 (*)	-	(95.250.000.000)	(95.250.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>635.000.000.000</u>	<u>309.541.064.773</u>	<u>944.541.064.773</u>

(*) Việc trích lập các quỹ, trích quỹ thưởng Ban điều hành Công ty và chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 được thực hiện theo Nghị quyết số 386/NQ-TĐTB-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	635.000.000.000	635.000.000.000	-	635.000.000.000	635.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>635.000.000.000</u>	<u>635.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>635.000.000.000</u>	<u>635.000.000.000</u>	<u>-</u>

Chi tiết vốn cổ phần của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	383.651.680.000	60,42%
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	190.500.000.000	30,00%
Các cổ đông khác	60.848.320.000	9,58%
TỔNG CỘNG	<u>635.000.000.000</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	635.000.000.000	635.000.000.000
Cổ tức đã công bố	95.250.000.000	158.750.000.000
Cổ tức đã trả	63.491.400.000	63.489.900.000

17.4 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2020: 2.500 VND/cổ phiếu	-	158.750.000.000
Cổ tức cho năm 2021: 1.500 VND/cổ phiếu	95.250.000.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ	-	-

17.5 Cổ phiếu

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>	<i>Số lượng</i>	<i>VND</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	63.500.000	635.000.000.000	63.500.000	635.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu). Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TBC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	154	167

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng doanh thu	217.057.041.859	193.468.217.617
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	209.935.607.636	181.435.389.454
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	7.121.434.223	12.032.828.163
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	217.057.041.859	193.468.217.617
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	7.039.616.041	11.699.615.054
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	210.017.425.818	181.768.602.563

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi tiền gửi, cho vay	7.722.772.649	9.262.553.050
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.525.000.000
TỔNG CỘNG	7.722.772.649	15.787.553.050

20. GIÁ VỐN BÁN ĐIỆN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn của hoạt động bán điện	57.710.600.848	60.872.994.680
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.962.060.035	1.681.915.345
TỔNG CỘNG	59.672.660.883	62.554.910.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân công	6.623.472.519	6.825.063.497
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.309.145.494	1.295.495.031
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu	351.879.894 (769.800.000)	213.172.065 484.310.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.804.099.031	1.183.379.325
Chi phí khác	2.857.645.082	2.273.176.233
TỔNG CỘNG	<u>12.176.442.020</u>	<u>12.274.597.012</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.085.327.245	1.284.030.385
Chi phí nhân công	16.597.777.210	17.525.770.307
Chi phí khấu hao và hao mòn	19.644.346.480	19.757.489.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.804.099.031	2.809.135.266
Chi phí khác	32.852.468.148	34.373.128.583
TỔNG CỘNG	<u>71.998.006.442</u>	<u>75.749.553.948</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.654.088.848	25.734.003.084
TỔNG CỘNG	<u>30.654.088.848</u>	<u>25.734.003.084</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	153.086.489.240	135.007.060.421
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	30.617.297.848	27.001.412.084
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	37.591.000	37.591.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(1.305.000.000)
Điều chỉnh khác	(800.000)	-
Chi phí thuế TNDN	<u>30.654.088.848</u>	<u>25.734.003.084</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong kỳ bao gồm:

STT	Bên liên quan	Mối liên hệ
1	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh R.E.E	Công ty mẹ cấp 1
2	Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ
3	Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

1	Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT
3	Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)
5	Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)
9	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban kiểm soát
10	Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên ban kiểm soát
11	Bà Lai Lệ Hường	Thành viên kiểm soát

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Doanh thu bán điện	209.935.607.636	181.435.389.454
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	57.547.752.000	95.912.920.000
		Cổ tức đã thanh toán	38.365.168.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Cổ tức công bố	28.575.000.000	47.625.000.000
		Cổ tức đã thanh toán	19.050.000.000	19.050.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Thu hồi tiền cho vay	11.206.250.000	21.206.250.000
		Lãi tiền cho vay	5.103.080.633	6.234.011.617
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	224.122.200
		Góp vốn	-	12.250.000.000
		Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	120.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần Thủy Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Doanh thu về cung cấp dịch vụ	81.818.182	109.090.909
		Lãi tiền cho vay	-	630.410.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả (ngoại trừ các khoản cho vay) tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: không trích lập). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	Phải thu tiền bán điện	74.142.741.972	30.950.101.437
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	Phải thu về cung cấp dịch vụ	-	30.000.000
TỔNG CỘNG			74.142.741.972	30.980.101.437
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Phải thu lãi tiền cho vay	52.224.344	29.811.845
TỔNG CỘNG			52.224.344	29.811.845
Phải thu về cho vay (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	Công ty con	Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu	22.412.500.000	22.412.500.000
		Phải thu về cho vay dài hạn	95.253.125.000	106.459.375.000
TỔNG CỘNG			117.665.625.000	128.871.875.000
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 15)				
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	57.547.752.000	38.365.168.000
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức	28.575.000.000	19.050.000.000
TỔNG CỘNG			86.122.752.000	57.415.168.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)			
Ông Nguyễn Quang Quyền	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Hồ Văn Trung	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Da	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2022)	18.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Nguyễn Văn Quyền	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	468.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	270.000.000	270.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	199.000.000	270.000.000
Ông Bùi Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	-
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Bà Trần Nguyễn Khánh Linh	Thành viên	30.000.000	30.000.000
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	30.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG		1.159.000.000	1.197.000.000

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về đầu tư góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Công ty có cam kết góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 với số tiền là 68.124.000.000 VND theo Nghị quyết số 91/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Trung Hiếu
Người lập



Lê Hồng Minh
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quyền
Tổng Giám đốc

Yên Bái, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2022

WORLD BANK